

KINH TẾ - TÀI CHÍNH

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ THUẾ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ TẠI TỈNH HẬU GIANG

BÙI VĂN TRỊNH^{1*}, NGUYỄN THỊ PHƯƠNG GIANG²

Tóm tắt

Để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp, nghiên cứu được tiến hành trên cơ sở khảo sát 200 doanh nghiệp tại tỉnh Hậu Giang và các phương pháp phân tích thống kê mô tả, hệ số Cronbach's Alpha, phân tích yếu tố khám phá và hồi quy được sử dụng. Kết quả phân tích cho thấy, có được 06 yếu tố ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế theo mức độ ảnh hưởng giảm dần gồm: (1) Quản lý thuế của cơ quan thuế, (2) Chính sách thuế, (3) Đặc điểm của doanh nghiệp, (4) Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp, (5) Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, (6) Cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế.

Từ khóa: Hành vi, tuân thủ pháp luật về thuế, doanh nghiệp

Abstract

To evaluate the factors affecting tax compliance behavior of enterprises, this study was conducted on the basis of primary data surveying 200 enterprises in Hau Giang province, through statistical descriptive methods, Cronbach's Alpha coefficient, exploratory factor analysis and regression. The results show that there are 6 factors affecting tax compliance behavior including: Social factors have the strongest impact; Psychological factors have the second strongest impact, followed by other factors such as: Enterprise characteristics, Business industry, Tax system structure and Economic factors.

Keywords: Behavior, tax compliance, business

Mở đầu

Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, trên thực tế một số người nộp

thuế vẫn có quan niệm xem việc nộp số tiền thuế vào ngân sách nhà nước là sự mất đi một số tiền nhất định, thực hiện việc nộp thuế chỉ là nghĩa vụ không thể tránh né được, nếu có cơ hội không nộp thuế hoặc giảm bớt được số tiền thuế phải nộp mà không bị xử lý thì họ có thể sẽ không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Do đó, vấn đề nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các

¹ PGS.TS. Trường Đại học Cửu Long

² Chuyên viên, Cục Thuế tỉnh Hậu Giang

* Người chịu trách nhiệm về bài viết: Bùi Văn Trinh (Email: bvtrinh@ctu.edu.vn)

doanh nghiệp nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà quản lý, các chuyên gia kinh tế. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp. Minh họa cụ thể bằng số liệu tại tỉnh Hậu Giang.

1. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

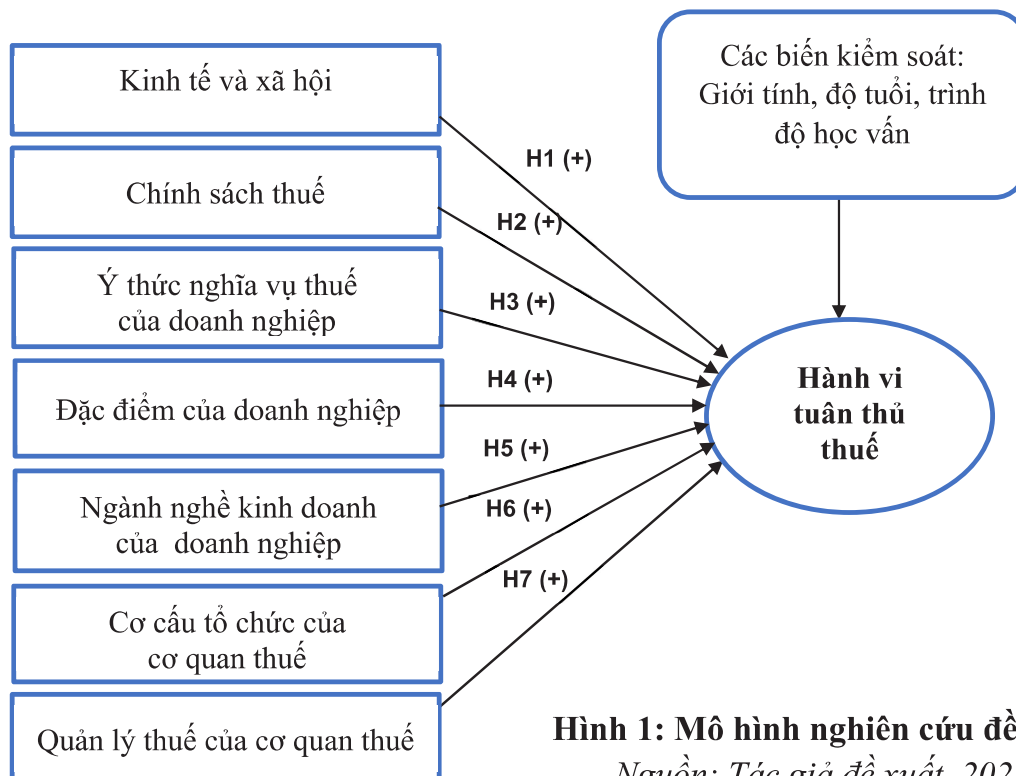
1.1. Cơ sở lý thuyết

Theo Nguyễn Thị Bất và Vũ Duy Hào (2002), thuế là khoản đóng góp theo quy định của pháp luật mà Nhà nước bắt buộc mọi tổ chức và cá nhân phải có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước. Jackson and Milliron (1986) và Alm (1991) cho rằng: “Tuân thủ pháp luật về thuế là báo cáo tất cả thu nhập, thanh toán toàn bộ nghĩa vụ thuế bằng cách thực hiện các điều khoản quy định của luật, pháp lệnh, hoặc phán quyết của tòa án”. Trong khi đó, Hamm (1995) cho rằng “Tuân thủ pháp luật về thuế

được định nghĩa là người nộp thuế nộp tờ khai thuế vào thời điểm thích hợp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của các luật thuế, các quyết định của tòa án”. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế - OECD (2004), định nghĩa: “Tuân thủ pháp luật về thuế là phạm vi mà đối tượng nộp thuế phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế của mình”. Theo Brown and Mazur (2003), tuân thủ pháp luật về thuế gồm 3 loại tuân thủ là “thanh toán”, “tuân thủ kê khai” và “tuân thủ báo cáo”. Nhóm tác giả cũng cho rằng ba loại tuân thủ trên vừa bổ sung, vừa loại trừ lẫn nhau, cho cơ quan quản lý thuế có thể dự báo những khoản thất thu thuế.

1.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Xuất phát từ lý thuyết, các nghiên cứu có liên quan và tình hình thực tiễn tại địa bàn lấy dữ liệu minh họa, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu (Hình 1). Trong đó, có 7 nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2022

Tương ứng với 7 nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp (Hình 1) là 7 giả thuyết nghiên cứu như sau:

- Giả thuyết H1: Kinh tế và xã hội ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp;

- Giả thuyết H2: Chính sách thuế ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp;

- Giả thuyết H3: Ý thức về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp;

- Giả thuyết H4: Đặc điểm của doanh nghiệp ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp;

- Giả thuyết H5: Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp;

- Giả thuyết H6: Cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế ảnh hưởng thuận chiều đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp;

- Giả thuyết H7: Quản lý thuế của cơ quan thuế ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Định tính và định lượng được sử dụng để thực hiện nội dung nghiên cứu này cụ thể như sau:

Nghiên cứu định tính được sử dụng để nghiên cứu sơ bộ, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng thang đo nghiên cứu, thiết kế bảng hỏi, phân tích đặc điểm cơ bản của đối tượng khảo sát...

Nghiên cứu định lượng được sử dụng để đánh giá thang đo nghiên cứu, phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp.

Các phương pháp phân tích được sử dụng bao gồm

- Đánh giá sơ bộ thang đo và độ tin cậy của biến đo lường bằng hệ số Cronbach's Alpha và độ giá trị (factor loading), tiến hành phân tích Exploratory Factor Analysis (EFA) để tìm ra các nhân tố đại diện cho các biến quan sát tác động đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.

- Sau khi đánh giá thang đo bằng phương pháp Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA), thì phân tích hồi quy tiếp tục được sử dụng để kiểm nghiệm giả thuyết nghiên cứu về tác động của các nhân tố đến sự tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

2. Phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu

2.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo nghiên cứu

Theo lý thuyết thì thang đo nghiên cứu được tin cậy khi Cronbach's Alpha > 0.6 , hệ số tương quan biến tổng phải > 0.3 (Slater, 1995; Nunally & Burnstein, 1994; Peterson, 1994). Về lý thuyết, Cronbach's Alpha càng cao càng tốt (thang đo càng có độ tin cậy).

Kết quả Cronbach's Alpha độ tin cậy của thang đo nghiên cứu với số liệu tại tỉnh Hậu Giang cho thấy, sau khi loại bỏ biến quan sát KT2 (do có hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến = 0,930 $>$ hệ số Cronbach's Alpha hiện tại = 0,928), kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo 7 nhân tố lập gồm: Kinh tế và xã hội, Chính sách thuế, Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, Đặc điểm của doanh nghiệp, Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp, Cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế, Quản lý thuế của cơ quan thuế và 01 nhân tố thuộc Hành vi tuân thủ pháp luật thuế có hệ số Cronbach's Alpha cao nhất bằng 0,930 và thấp nhất là 0,844 $>$ 0,6.

Đồng thời, các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng thấp nhất là $0,660 > 0,3$.

Như vậy, theo lý thuyết thì kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo của 7 nhân tố lập và 01 nhân tố thuộc đều đạt độ tin cậy, không bị loại và được sử dụng cho phân tích nhân tố khám phá.

2.2. Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố khám phá (EFA- Exploratory Factor Analysis) được sử dụng

để thực hiện, nhằm tìm kết quả rút gọn một tập hợp nhiều biến quan sát thành một số nhân tố ít hơn, nhưng vẫn chứa đựng hầu hết nội dung thông tin và ý nghĩa thống kê của tập biến ban đầu (Hair & et al - 1998).

2.2.1 EFA đối với các biến của nhân tố độc lập

Kết quả EFA đối với các biến của nhân tố độc lập được thể hiện qua bảng 1 như sau:

Bảng 1: Phân tích nhân tố khám phá các biến của nhân tố độc lập

	Ma trận xoay						
	1	2	3	4	5	6	7
DD2	.897						
DD3	.878						
DD1	.859						
DD4	.825						
DD5	.775						
CS3		.841					
CS5		.828					
CS1		.817					
CS4		.784					
CS2		.765					
KT3			.916				
KT5			.902				
KT4			.885				
KT1			.853				
NN3				.868			
NN1				.848			
NN2				.837			
NN4				.756			
CC2					.883		
CC4					.850		
CC3					.844		
CC1					.841		

YT3						.874	
YT2						.849	
YT4						.792	
YT1						.763	
QL3							.815
QL1							.805
QL4							.780
QL2							.759

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu 200 DN trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, 2022

Các biến quan sát của thang đo được đưa vào phân tích nhân tố theo phương pháp trích Principal Component với phương pháp xoay Varimax. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy, hệ số tải nhân tố (factor loading) > 0,5, kết quả 30 biến quan sát đều đạt yêu cầu.

Như vậy, theo lý thuyết thì sau EFA có 7 nhân tố độc lập được hình thành như kỳ vọng ban đầu ở các giả thuyết, không phát sinh nhóm mới hay nhân tố mới.

2.2.2 EFA đối với các biến của nhân tố phụ thuộc

Kết quả phân tích nhân tố khám phá đối với biến phụ thuộc Hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp cho thấy, hệ số KMO = 0,720 > 0,5, thỏa mãn tính thích hợp của phân tích nhân tố nếu $0,5 < KMO < 1$. Hệ số Sig.: Hệ số Sig. = 0,000 < 0,005 của kiểm định Bartlett cho biết có các biến quan sát tương quan với nhau trong tổng thể có ý nghĩa thống kê, do đó các quan sát phù hợp cho việc phân tích nhân tố.

Kết quả EFA các biến thuộc nhân tố phụ thuộc là hành vi tuân thủ pháp luật thuế được thể hiện qua bảng 2 như sau:

Bảng 2: EFA các biến thuộc nhân tố phụ thuộc

Biến quan sát	Biến số
TT3	0.889
TT1	0.878
TT4	0.867
TT2	0.848
Eigenvalue	3.032
Phương sai trích (%)	75.809
KMO	0.720
Sig, (Bartlett's Test of Sphericity)	0.000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu 200 DN trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, 2022

Kết quả bảng 2 cho thấy, có 04 biến quan sát có hệ số tải nhân tố > 0,5. Chứng tỏ các

biến quan sát thuộc nhân tố hành vi tuân thủ pháp luật thuế có độ tin cậy cao.

Như vậy, kết quả EFA các biến thuộc nhân tố độc lập và phụ thuộc của mô hình nghiên cứu đủ điều kiện để thực hiện phân tích tiếp theo là: Phân tích mức độ ảnh hưởng của các hành vi tuân thủ pháp luật thuế.

2.3. Phân tích hồi qui

Trước khi thực hiện hồi qui, thì mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng (biến độc lập) đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế (biến phụ thuộc) phải được thông qua ma trận tương quan với kiểm định hệ số tương quan Pearson Correlation (Bảng 3).

Bảng 3: Kết quả phân tích tương quan

		TT	KT	CS	YT	DD	NN	CC	QL
TT	Hệ số r Sig. (2-tailed)	1	.019	.360**	.182**	.327**	.190**	.106	.560**
			.786	.000	.010	.000	.007	.134	.000
KT		.019	1	.000	.000	.000	.000	.000	.000
CS		.360**	.000	1	.000	.000	.000	.000	.000
YT		.182**	.000	.000	1	.000	.000	.000	.000
DD		.327**	.000	.000	.000	1	.000	.000	.000
NN		.190**	.000	.000	.000	.000	1	.000	.000
CC		.106	.000	.000	.000	.000	.000	1	.000
QL		.560**	.000	.000	.000	.000	.000	.000	1

** . Tương quan có ý nghĩa ở mức 1%.

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu 200 DN trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, 2022

Kết quả phân tích tương quan tại Bảng 3 cho thấy:

- Hành vi tuân thủ pháp luật thuế (TTT) có tương quan tuyến tính với 05 biến độc lập (có Sig. < 0,05) gồm: Chính sách thuế, Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, Đặc điểm của doanh nghiệp, Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp và Quản lý thuế của cơ quan thuế. Cặp biến TT với QL có mối tương quan mạnh nhất với hệ số r là 0,560; cặp biến TT và YT có mối tương quan yếu nhất với hệ số r là 0,182.

- Hành vi TTT không có tương quan tuyến tính với 02 biến độc lập (có Sig. > 0,05) là: Kinh tế - xã hội và Cơ cấu tổ chức của cơ

quan thuế. Do đó, 02 biến này bị loại khi đưa vào phân tích hồi qui.

Hồi quy là phương pháp được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế của các doanh nghiệp. Kết quả hồi quy tại Bảng 4 cho thấy, 05 biến độc lập: CS (Chính sách thuế), YT (Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp), DD (Đặc điểm của doanh nghiệp), NN (Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp), QL (Quản lý thuế của cơ quan thuế) đều có mức ý nghĩa Sig. < 0,01. Chứng tỏ, các biến độc lập này đều tương quan có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc Hành vi tuân thủ thuế ở mức ý nghĩa 99%, các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0, như vậy

tất cả các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy đều tác động cùng chiều tới biến phụ thuộc. Mức tác động của các biến độc lập tới biến phụ thuộc: QL ($\beta = 0,560$) > CS ($\beta = 0,360$) > DD ($\beta = 0,327$) > NN ($\beta = 0,190$) > YT ($\beta = 0,182$).

Bảng 4: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi tuân thủ thuế

Biến	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Độ phóng đại phương sai (VIF)
	B	Sai số chuẩn	Beta			
(Constant)	-2.405E-016	.044		.000	1.000	
CS	.360	.044	.360	8.135	.000	1.000
YT	.182	.044	.182	4.118	.000	1.000
DD	.327	.044	.327	7.394	.000	1.000
NN	.190	.044	.190	4.285	.000	1.000
QL	.560	.044	.560	12.660	.000	1.000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu 200 DN trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, 2022

Độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến độc lập đều bằng $1 < 10$. Như vậy, trong mô hình không có đa cộng tuyến.

- Chính sách thuế có Sig. = $0,000 < 0,01$ do đó có ý nghĩa tác động với Hành vi TTT ở mức ý nghĩa 1%, độ tin cậy 99%. Hệ số Beta chuẩn hóa = $0,358$ cho thấy, mối quan hệ giữa yếu tố Chính sách thuế và Hành vi tuân thủ thuế có tác động cùng chiều dương. Vì vậy, giả thuyết H_2 được chấp nhận.

- Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp có Sig. = $0,000 < 0,01$ do đó có ý nghĩa tác động với Hành vi tuân thủ thuế ở mức ý nghĩa 1%, độ tin cậy 99%. Hệ số Beta chuẩn hóa = $0,182$ cho thấy, mối quan hệ giữa yếu tố Ý thức nghĩa vụ thuế của DN và Hành vi TTT có tác động cùng chiều dương. Vì vậy, giả thuyết H_3 được chấp nhận.

- Đặc điểm của doanh nghiệp có Sig. = $0,000 < 0,01$ do đó có ý nghĩa tác động với Hành vi tuân thủ thuế ở mức ý nghĩa 1%, độ tin cậy 99%. Hệ số Beta chuẩn hóa = $0,327$ cho thấy, mối quan hệ giữa yếu tố Đặc điểm của doanh nghiệp và Hành vi tuân thủ thuế có tác động cùng chiều dương. Vì vậy, giả thuyết H_4 được chấp nhận.

- Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp có Sig. = $0,000 < 0,01$ do đó có ý nghĩa tác động với Hành vi tuân thủ thuế ở mức ý nghĩa 1%, độ tin cậy 99%. Hệ số Beta chuẩn hóa = $0,190$ cho thấy, mối quan hệ giữa yếu tố Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp và Hành vi tuân thủ thuế có tác động cùng chiều dương. Vì vậy, giả thuyết H_5 được chấp nhận.

- Quản lý thuế của cơ quan thuế có Sig. = $0,000 < 0,01$ do đó có ý nghĩa tác động với Hành vi tuân thủ thuế ở mức ý nghĩa 1%, độ

tin cậy 99%. Hệ số Beta chuẩn hóa = 0,560 cho thấy, mối quan hệ giữa yếu tố Quản lý thuế của cơ quan thuế và Hành vi tuân thủ thuế có tác động cùng chiều dương. Vì vậy, giả thuyết H_7 được chấp nhận.

Đối với nhân tố Kinh tế và xã hội và yếu tố Cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế qua kết quả phân tích tương quan, không có tương quan tuyến tính với hành vi TTT nên không được đưa vào phân tích hồi quy.

Qua kết quả đã phân tích (Bảng 4), mô hình hồi quy tuyến tính bội gồm 5 nhân tố độc lập (giả thuyết H_1 và H_6 không được chấp nhận) ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp tại tỉnh Hậu Giang, được thể hiện qua phương trình hồi quy như sau:

$$HVTT = \beta_0 + 0,560QL + 0,360CS + 0,327DD + 0,190NN + 0,182YT.$$

3. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy, Quản lý thuế (QL); Chính sách thuế (CS); Đặc điểm của doanh nghiệp (DD); Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp (NN); Ý thức của DN về nghĩa vụ thuế (YT) là 5 nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất hàm ý chính sách liên quan đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp như sau:

(1) Về công tác quản lý thuế của cơ quan thuế

Quản lý thuế của cơ quan thuế có ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi TTT của DN với

hệ số ($\beta = 0,560$); đồng thời, theo kết quả thống kê cho thấy, mức điểm đánh giá của đáp viên với yếu tố Quản lý thuế của cơ quan thuế với số điểm trung bình là 3,50, đang ở mức đồng ý.

Nhằm đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho DN phát huy ý thức tuân thủ pháp luật thuế của mình một cách tự nguyện, cần có sự điều chỉnh về cách thức QLT của CQT. Bên cạnh việc tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với những DN có ý thức tuân thủ thấp, CQT cần tạo điều kiện thúc đẩy sự TTT của các đối tượng khác. Tiếp tục xây dựng dữ liệu thông tin về tuân thủ của DN. TTT thể hiện ở việc chấp hành đầy đủ, kịp thời và đúng đắn các quy định của pháp luật thuế. Cụ thể là việc chấp hành các tiêu chí thời gian, mức độ chính xác, trung thực và đầy đủ của các hoạt động khai thuế, nộp thuế và các nghĩa vụ khác về thuế của DN. Các nguồn thông tin này có thể được thu thập thông qua thông tin từ các hồ sơ khai thuế, hồ sơ hải quan; các báo cáo tài chính, báo cáo niên yết, các báo cáo của DN; thông tin CQT thu thập được thông qua quá trình QLT của mình; thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Quản lý tuân thủ là chiến lược QLT hiện đại, lấy DN làm trung tâm, tạo điều kiện tối đa để DN tuân thủ pháp luật thuế, cũng như xác định được và có biện pháp phù hợp đối với DN không tuân thủ để bắt buộc họ phải tuân thủ đầy đủ. Chiến lược QLT này rất phù hợp trong điều kiện phải tiết kiệm tối đa các nguồn lực, khối lượng công việc ngày càng gia tăng, áp lực tạo thuận lợi cho DN ngày càng lớn; đồng thời phải bảo đảm hiệu quả kiểm tra, thanh tra, đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước, phân phối thu nhập và điều tiết kinh tế của hệ thống thuế.

(2) Về Chính sách thuế

Chính sách thuế có ảnh hưởng mạnh thứ hai đến hành vi TTT của DN với hệ số ($\beta = 0,360$); đồng thời, theo kết quả thống kê cho thấy, mức điểm đánh giá của đáp viên với yếu tố Chính sách thuế với số điểm trung bình là 3,79 đang ở mức đồng ý.

Xây dựng chính sách thuế phải đồng bộ, ổn định theo hướng minh bạch, công khai, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, đảm bảo tính khả thi. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật sớm, đảm bảo đến thời điểm Luật có hiệu lực thi hành thì các văn bản hướng dẫn này cũng đã được ban hành để hướng dẫn DN cũng như CQT thực hiện chính sách mới được kịp thời. Song song đó, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, CQT và công chức thuế ngoài việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật còn phải thực hiện theo đúng các quy trình do Tổng cục Thuế ban hành, trong khi đó, DN chỉ thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật, từ đó xảy ra nhiều trường hợp CQT và DN chưa thống nhất với nhau khi thực hiện, cùng một sự việc nhưng CQT và DN có thể hiểu và thực hiện theo cách khác nhau. Cần phải đánh giá mức độ ảnh hưởng khi thay đổi chính sách thuế đến tất cả các đối tượng nộp thuế, khi áp dụng có chu kỳ chuyển tiếp phù hợp đảm bảo tạo thuận lợi cho DN sản xuất kinh doanh, có các quy định rõ ràng trong giai đoạn chuyển tiếp chính sách thuế.

Xây dựng bộ thủ tục hành chính hoàn thiện theo hướng đơn giản hóa, cắt giảm các thủ tục hành chính không còn phù hợp với chính sách thuế mới hoặc quá phức tạp gây khó khăn cho DN. Hoàn chỉnh thủ tục khai thuế, quy trình QLT. Hiện nay, thủ tục hành chính thuế đã được cắt giảm rất nhiều. Tuy nhiên, số

lượng vẫn còn nhiều. Các thủ tục càng được đơn giản hóa thì việc QLT của CQT càng khó khăn nên các quy trình QLT càng được quan tâm xây dựng chặt chẽ, đảm bảo công tác QLT được hiệu quả, không để DN lợi dụng kẽ hở trong chính sách thuế để trốn thuế, tránh thuế; không để cán bộ thuế và DN bắt tay nhau gây ra hiện tượng tham ô, tham nhũng. Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế cần phải xây dựng bộ thủ tục hành chính đơn giản, dễ thực hiện, tạo điều kiện cho DN thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, tốn kém ít thời gian và chi phí. Đồng thời phải xây dựng hệ thống các quy trình QLT kịp thời, đồng bộ với chính sách thuế được ban hành.

(3) Về Đặc điểm của doanh nghiệp

Đặc điểm của doanh nghiệp có ảnh hưởng mạnh thứ ba đến hành vi TTT của DN với hệ số ($\beta = 0,327$); đồng thời, theo kết quả thống kê cho thấy, mức điểm đánh giá của đáp viên với yếu tố Đặc điểm của doanh nghiệp với số điểm trung bình là 3,66 đang ở mức đồng ý.

CQT phải thực hiện đúng các chính sách đã được các cấp ban hành. Ngoài chính sách ưu đãi đầu tư theo qui định, Cục Thuế tỉnh Hậu Giang cần phải tập trung vào các hoạt động cung cấp dịch vụ công, tổ chức gặp gỡ, đối thoại, ... với người nộp thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho NNT. Ngoài ra, liên quan tới các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Hậu Giang, Cục Thuế phải tham mưu cùng UBND tỉnh, trên cơ sở khuôn khổ pháp luật cho phép để có những chính sách cụ thể và thuận lợi nhất nhằm thu hút và đẩy mạnh đầu tư, đặc biệt với các ngành là tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để từng bước giúp tăng trưởng nguồn thu, đưa kinh tế của tỉnh phát triển.

Đối với nhóm NNT chấp hành nghiêm túc nghĩa vụ thuế: không cần tốn nhiều thời

gian, nhân lực trong công tác QLT. Ngành thuế cần đặc biệt chú trọng đến việc tuyên dương, quảng bá nhằm nâng cao vị trí, danh tiếng và vai trò của NNT trong cộng đồng; động viên, khuyến khích một cách kịp thời NNT chấp hành tốt chính sách thuế. Tạo điều kiện tối đa cho NNT trong việc kê khai, xác định mức thuế phải nộp và thuận lợi nhất trong việc nộp thuế. Duy trì sự hợp tác của nhóm NNT này bằng cách xây dựng hình ảnh CQT công bằng và có khả năng thuyết phục tạo sự tin cậy đối với NNT, thu hút những NNT tích cực tham gia xây dựng các kế hoạch triển khai công tác thuế tại địa bàn. Bên cạnh đó cần đưa ra nhiều hình thức khuyến khích nộp thuế nhằm tăng cường hành vi TTT của người nộp thuế.

(4) Về Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp có ảnh hưởng mạnh thứ tư đến hành vi TTT của DN với hệ số ($\beta = 0,190$); đồng thời, theo kết quả thống kê cho thấy, mức điểm đánh giá của đáp viên với yếu tố Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp với số điểm trung bình là 3,50 đang ở mức đồng ý.

Phân loại đối tượng DN theo ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh để có các biện pháp QLT phù hợp. Đặc biệt quan tâm QLT đối với các DN kinh doanh ngành nghề chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như sản xuất rượu bia, dịch vụ karaoke... và các DN kinh doanh ngành hàng khó kiểm soát doanh thu, chi phí như ngành nghề dịch vụ ăn uống, kinh doanh nhà hàng khách sạn... Trong công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế, nên đưa tiêu chí ngành nghề kinh doanh kết hợp với phân tích rủi ro để lựa chọn các DN thực hiện kiểm tra quyết toán tại trụ sở DN. Xây dựng hệ thống kế toán

nói chung và kế toán thuế nói riêng tại DN, tạo điều kiện cho việc hạch toán kê khai thuế kịp thời, hiệu quả, hạn chế sai sót. Quan tâm đến đào tạo chuyên môn cho kế toán thuế tại DN, để nhân viên kế toán có trình độ, am hiểu về pháp luật kế toán và pháp luật thuế thực hiện công tác kế toán, hạn chế các hành vi sai sót không đáng có.

Hiện nay, với mỗi loại thuế đều tồn tại nhiều mức thuế suất khác nhau cho từng nhóm đối tượng hàng hóa, dịch vụ; điều này dẫn tới khó khăn cho các DN kinh doanh ngành nghề phải kê khai và nộp nhiều loại thuế khác nhau trong việc xác định các mức thuế suất phù hợp đối với hàng hóa, dịch vụ mà DN mình cung cấp, dẫn tới các trường hợp một số DN có tình gian lận, trốn thuế để được áp dụng các mức thuế suất thấp hơn quy định; một số DN khác không xác định đúng được mức thuế suất theo đúng quy định của pháp luật về thuế. Từ thực tế trên, CQT cần nghiên cứu đơn giản hóa cách xác định các mức thuế suất, tạo điều kiện cho DN tuân thủ pháp luật về thuế tự nguyện.

(5) Về Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp

Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp có ảnh hưởng mạnh thứ năm đến hành vi TTT của DN với hệ số ($\beta = 0,182$); đồng thời theo kết quả thống kê cho thấy, mức điểm đánh giá của đáp viên với yếu tố Ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với số điểm trung bình là 3,49 đang ở mức đồng ý.

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về nghĩa vụ thuế của DN đối với nhà nước, nộp thuế là nghĩa vụ tất yếu để nhà nước thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đầu tư phục vụ cho người dân và DN, từ đó hạn chế

các hành vi tránh thuế, chiếm dụng tiền thuế, nâng cao hiệu quả TTT tự nguyện. Cần thể hiện được sự công bằng về nghĩa vụ thuế của tất cả các nhóm đối tượng, công bằng trong QLT, tạo lòng tin của DN đối với CQT; nâng cao hiệu quả QLT. Cần thiết đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao lòng tin của DN đối với CQT và công chức thuế trong thực thi công vụ đảm bảo tính công bằng với các DN.

Khi phát sinh vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế liên hệ với CQT để được giải đáp, hướng dẫn. Tổ chức các buổi phỏng vấn các cán bộ thuế, kế toán, luật sư các vấn đề thuế mới; phát triển hình thức giao lưu trực tuyến; phát triển phong trào thi tìm hiểu về thuế; tổ chức nhiều hộp thư điện thoại tự động miễn phí ở nhiều địa điểm trên địa bàn; thiết lập các cơ sở hỗ trợ thuế ở nhiều địa điểm khác nhau tại thời điểm DN phải hoàn thành việc kê khai thuế; tổ chức các trung tâm tư vấn thuế cho DN; tổ chức các đội tư vấn thuế với các cán bộ tư vấn thuế chuyên nghiệp tư vấn tại trụ sở DN.

Đổi mới các hình thức tuyên dương, khen thưởng vinh danh DN nộp thuế tốt để DN nhận thấy được việc TTT mang lợi ích trực tiếp cho DN, đem lại giá trị nâng cao thương hiệu của DN góp phần đạt được lợi ích kinh tế. Điều này cho thấy các CQT nên dành nhiều quan tâm hơn nữa đến tính nghiêm minh và công bằng trong việc lập thuế, cũng như thi hành thuế, từ đó xây dựng niềm tin từ các DN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Bất và Vũ Duy Hào (2002), *Giáo trình quản lý thuế*, Nxb. Thống Kê, Hà Nội;
- [2] Cục Thuế tỉnh Hậu Giang (2021), Báo cáo Tổng kết ngành qua các năm 2019 – 2021;
- [3] Jackson, B.R. and V.C. Milliron (1986). Tax compliance research: Findings, problems, and prospects. *Journal of Accounting Literature*;
- [4] OECD (2004), *Managing and Improving Compliance: Recent Developments in Compliance Risk Treatment*;
- [5] Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang (2021), Hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;
- [6] Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nxb. Lao động - Xã hội;
- [7] Tổng cục Thuế (2014), *Luật QLT mới sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb. Tài chính;
- [8] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS*, Nxb. Hồng Đức.

Ngày nhận bài: 5/8/2022

Ngày gửi phản biện: 12/8/2022

Ngày duyệt đăng: 5/9/2022